

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2014
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 09 năm 2014



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2- 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	5 - 6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 21

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		
			30/09/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		2.471.727.215.274	1.983.307.076.501
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		87.125.351.777	57.246.674.887
1. Tiền	111	4	87.125.351.777	57.246.674.887
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		700.000.000.000	246.461.181.788
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	700.000.000.000	246.461.181.788
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.411.130.041.729	1.449.723.105.340
1. Phải thu khách hàng	131		49.356.246	35.652.402
2. Trả trước cho người bán	132	6	171.071.925.393	14.986.171.786
3. Các khoản phải thu khác	135	7	1.263.949.802.426	1.458.642.323.488
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(23.941.042.336)	(23.941.042.336)
IV. Hàng tồn kho	140		273.268.352.220	221.314.057.916
1. Hàng tồn kho	141	8	273.268.352.220	221.314.057.916
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		203.469.548	8.562.056.570
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	8.392.414.891
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.829.548	10.641.679
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		192.640.000	159.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		9.425.573.292.730	10.202.871.800.805
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		38.782.753.000	38.782.753.000
1. Phải thu dài hạn khác	218	9	38.782.753.000	38.782.753.000
II. Tài sản cố định	220		8.477.203.532.552	9.137.428.065.305
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	8.449.524.869.531	9.114.093.121.509
- Nguyên giá	222		11.293.827.178.629	11.293.643.448.661
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.844.302.309.098)	(2.179.550.327.152)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	21.602.554.546	21.602.554.546
- Nguyên giá	228		21.602.554.546	21.602.554.546
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	6.076.108.475	1.732.389.250
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư dài hạn khác	258	13	11.140.000.000	11.140.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(11.140.000.000)	(11.140.000.000)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		909.587.007.178	1.026.660.982.500
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	909.587.007.178	1.026.660.982.500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		11.897.300.508.004	12.186.178.877.306

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2014

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		8.538.329.034.146	9.398.503.220.590
I. Nợ ngắn hạn	310		2.036.675.048.542	2.082.537.306.225
1. Vay ngắn hạn	311	15	1.071.127.810.417	1.137.995.154.732
2. Phải trả người bán	312		49.873.983.186	27.037.408.723
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	3.996.589.927	13.180.462.995
4. Phải trả người lao động	315		16.890.311.255	14.586.349.906
5. Chi phí phải trả	316	17	739.198.632.328	717.130.892.794
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	151.808.796.019	169.146.428.184
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.778.925.410	3.460.608.891
II. Nợ dài hạn	330		6.501.653.985.604	7.315.965.914.365
1. Vay dài hạn	334	19	6.497.007.052.411	7.311.318.981.172
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		4.646.933.193	4.646.933.193
B. NGUỒN VỐN	400		3.358.971.473.858	2.787.675.656.716
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	3.358.971.473.858	2.787.675.656.716
1. Vốn điều lệ	411		2.560.000.000.000	2.560.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		169.237.381.136	169.237.381.136
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		20.850.842.750	20.439.881.905
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		608.883.249.972	37.998.393.675
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		11.897.300.508.004	12.186.178.877.306

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/09/2014	31/12/2013
Ngoại tệ các loại			
- USD		315,06	427,81
- EUR		16,88	39,75



Lê Văn Tú
 Người lập biểu
 Ngày 20 tháng 10 năm 2014



Nguyễn Hữu Minh
 Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Quốc
 Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2014

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013
1. Doanh thu về bán hàng	01		4.625.754.526.984	4.290.834.849.991
2. Doanh thu thuần về bán hàng	10		4.625.754.526.984	4.290.834.849.991
3. Giá vốn hàng bán	11		3.966.673.834.339	3.775.810.026.955
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		659.080.692.645	515.024.823.036
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	320.421.813.116	44.114.932.403
6. Chi phí tài chính	22	23	359.526.730.542	604.122.236.200
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		168.313.470.760	202.533.308.209
7. Chi phí bán hàng	24	24	215.330.957	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	25	45.258.590.977	43.722.911.362
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 30 = 20+(21-22)-(24+25)	30		574.501.853.285	(88.705.392.123)
10. Thu nhập khác	31		2.173.073.656	965.091.628
11. Chi phí khác	32		1.423.977.295	161.308.990
12. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		749.096.361	803.782.638
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		575.250.949.646	(87.901.609.485)
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		575.250.949.646	(87.901.609.485)



Lê Văn Tú
 Người lập biểu
 Ngày 20 tháng 10 năm 2014



Nguyễn Hữu Minh
 Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Quốc
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2014

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014 Đến 30/09/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	575.250.949.646	(87.901.609.485)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	664.731.335.961	736.990.761.331
Các khoản dự phòng	03	-	9.403.351.844
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(300.956.046.002)	202.475.602.141
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(19.580.166.049)	(44.106.905.367)
Chi phí lãi vay	06	168.313.470.760	202.533.308.209
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.087.759.544.316	1.019.394.508.673
Thay đổi các khoản phải thu	09	38.705.042.877	423.731.998.753
Thay đổi hàng tồn kho	10	(51.954.294.304)	(23.538.075.109)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(26.057.275.035)	(660.485.362.791)
Thay đổi chi phí trả trước	12	125.466.390.213	162.608.705.407
Tiền lãi vay đã trả	13	(116.986.521.618)	(142.046.386.278)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.616.170.000)	(1.513.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.053.316.716.449	778.152.388.655
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn	21	(5.328.630.879)	(2.891.724.420)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	710.313.623	-
3. Tiền chi đầu tư ngắn hạn	23	(1.490.383.916.697)	(2.651.253.822.436)
4. Tiền thu hồi từ đầu tư ngắn hạn	24	1.036.845.098.485	2.455.000.000.000
5. Thu lãi tiền gửi	27	19.174.045.291	45.573.019.830
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(438.983.090.177)	(153.572.527.026)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	163.619.754.337	286.467.044.714
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(748.074.701.093)	(896.116.829.841)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(584.454.946.756)	(609.649.785.127)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	29.878.679.516	14.930.076.502
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	57.246.674.887	51.718.618.432
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(2.626)	751.508
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	87.125.351.777	66.649.446.442

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2014

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Thu lãi tiền gửi từ hoạt động đầu tư trong năm không bao gồm số tiền 792.987.444 đồng (Năm 2013: 647.180.309 đồng) là số tiền lãi dự thu phát sinh trong kỳ mà chưa được nhận. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 66.350.860.611 đồng (Năm 2013: 16.402.014.332 đồng) là số tiền lãi phải trả chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Lê Văn Tú
Người lập biểu
Ngày 20 tháng 10 năm 2014



Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Quốc
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000396 ngày 20 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 3600897316 ngày 12 tháng 9 năm 2012.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2014 là 173 người (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 172 người)

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bán buôn thiết bị, vật tư, phụ tùng máy khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là quản lý đầu tư xây dựng và vận hành các công trình điện.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ ngắn hạn, khoản phải thu dài hạn và đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 20
Máy móc thiết bị	6 - 14
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn và không trích khấu hao.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản phí bảo hiểm cho các khoản vay dài hạn; chi phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì máy móc, thiết bị; chi phí trung tu Nhà máy điện Chu trình Hỗn hợp Nhơn Trạch 2; chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế trong quá trình xây dựng cơ bản và lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì máy móc, thiết bị và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Thông tin chi tiết về các khoản trả trước dài hạn liên quan đến các khoản phí bảo hiểm cho các khoản vay dài hạn; chi phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì máy móc, thiết bị; chi phí trung tu Nhà máy điện Chu trình Hỗn hợp Nhơn Trạch 2; chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế trong quá

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

trình xây dựng cơ bản và lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì máy móc, thiết bị được trình bày ở Thuyết minh số 14.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có sự xác nhận hàng tháng của Công ty Mua Bán Điện (EPTC) theo giá bán điện tạm tính được thống nhất giữa hai bên. Các khoản chênh lệch phát sinh do điều chỉnh giá bán điện liên quan đến doanh thu đã được ghi nhận cho từng giai đoạn hoạt động sẽ được ghi nhận vào kỳ kế toán hiện hành khi mà giá trị cần điều chỉnh được thống nhất giữa hai bên.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ**Trong giai đoạn xây dựng cơ bản Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2:**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ các tài khoản này, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại, được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” trên bảng cân đối kế toán. Khi công trình xây dựng Nhà máy hoàn thành, toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh thực tế lũy kế đã được ghi nhận không tính vào nguyên giá của tài sản cố định mà phân bổ vào thu nhập tài chính hay chi phí tài chính và thời gian phân bổ không quá 5 năm kể từ ngày Nhà máy chính thức vận hành thương mại.

Sau khi Công ty vận hành thương mại Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2:

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”, Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp và Công văn số 3124/DKVN-TCKT ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam áp dụng cho các Công ty trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã nhận được Công văn số 3371/BTC-TCDN ngày 17 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính chấp thuận việc sử dụng tỷ giá do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố để quy đổi các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ và đánh giá số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

